

Bản án số: 27/2021/HS-ST.

Ngày: 28.6.2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông P. L. L .

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đ. H. L;

2. Bà: N. T. D;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà N. T. T. T – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông L. H. Q – Kiểm sát viên.

Ngày 28.6.2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/TLST-HS, ngày 09 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/ngày 17.6.2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **N.V.T**, tên gọi khác: Mến, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 11.3.1973 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Con ông: N.D.C, SN: 1928 và bà: N.T.A (Chết); Vợ: B.T.T.H, SN: 1976, Con: 02 người, lớn nhất SN: 1995 và nhỏ nhất SN: 1998; Tiền án, Tiền sự: Không; Ngày 10.5.2013 bị TAND huyện K, tỉnh H xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, không có án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 21.10.2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **B.T.T.H**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1976 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Con ông: không xác định được và bà: B.T.N, SN: 1941; Chồng: N.V.T, SN: 1973, Con: 02 người, lớn nhất SN: 1995 và nhỏ nhất SN: 1998; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 21.10.2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **H.T.T**, tên gọi khác: Cu, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10.3.1995 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: Khu vực 8, phường 10, TX. N, tỉnh B; Nghề nghiệp: phụ xe; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Con ông: H.V.T, SN: 1976 và bà: N.T.Y, SN: 1971; Vợ: N.T.T.V, SN: 2000, Con: 01 người, SN: 2018; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 10.11.2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 10 giờ 50 phút ngày 21/10/2020, phát hiện B.T.T.H đứng ở lề đường 3/2 khu vực trước Bảo tàng huyện A thuộc khu X, TT. M, huyện A có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác Công an huyện A tiến hành kiểm tra, phát hiện B.T.T.H tàng trữ 01 gói nilon kích thước (2,8x1,2)cm bên trong chứa các hạt tinh thể không màu. B.T.T.H khai nhận là ma túy đá của B.T.T.H mang từ nhà ở thôn P, xã T đến thị trấn M, huyện A mục đích bán cho con nghiện nhưng chưa kịp giao. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với B.T.T.H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của B.T.T.H và N.V.T (chồng của B.T.T.H) tại thôn P, xã T, huyện A. Quá trình khám xét Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: trên sàn nhà phòng bếp gần chân bàn kính 01 gói nilon kích thước (4,5x7)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể không màu; trong chân võng bằng ống kim loại đặt ở hành lang lối đi trong nhà 01 gói nilon kích thước (6x3)cm bên trong chứa các hạt tinh thể không màu và một số dụng cụ dùng để sử dụng ma túy. N.V.T khai nhận là ma túy đá của N.V.T tàng trữ mục đích bán cho người sử dụng ma túy để kiếm lời.

Tại Kết luận giám định số: 298/CP09 ngày 23/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- Các hạt tinh thể không màu đựng bên trong 01 gói nilon kích thước (2,8x1,2)cm ghi thu từ bà B.T.T.H (ký hiệu A01) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2009 gam là loại: Methamphetamine.

- Các hạt tinh thể không màu đựng bên trong 01 gói nilon kích thước (4,5x7)cm ghi thu tại nhà ông N.V.T và bà B.T.T.H (ký hiệu A02) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,5640 gam là loại: Methamphetamine.

- Các hạt tinh thể không màu đựng bên trong 01 gói nilon kích thước (6x3)cm ghi thu tại nhà ông N.V.T và bà B.T.T.H (ký hiệu A03) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,8767 gam là loại: Methamphetamine.

Qua điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A xác định được:

Vào đầu năm 2020, N.V.T lái xe khách cho nhà xe K tuyến từ xã U, huyện A đi TP. C và ngược lại. Trong quá trình đợi đón khách tại bến xe B.T, đường 3, quận 5, TP. C, N.V.T biết một người phụ nữ tên L và một người nam tên Ng (không xác định họ, tên nơi cư trú) có bán ma túy, N.V.T mua ma túy của hai người này đem về nhà để sử dụng và chia ra thành các gói nhỏ để bán

lấy tiền tiếp tục mua ma túy và chi tiêu cá nhân. Đến tháng 10/2020, N.V.T nghỉ lái xe ở nhà tại thôn P, xã T, huyện A nên N.V.T nói H.T.T ở khu vực 8, phường 10, thị xã N, tỉnh B làm phụ xe cho nhà xe Tân Xuân vận chuyển ma túy về cho N.V.T. H.T.T biết N.V.T bán ma túy từ trước nhưng vẫn đồng ý vận chuyển ma túy từ TP. C về huyện A, tỉnh B giao cho N.V.T để lấy tiền công vận chuyển. N.V.T cùng B.T.T.H chia ma túy ra thành các gói nhỏ, nhiều lần bán cho những người sử dụng ma túy trên địa bàn huyện A. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 28/9/2020, N.V.T ở tại khách sạn S.A gần bến xe B.T, N.V.T liên hệ với L mua “một hộp mười” ma túy loại Methamphetamine với giá 6.000.000 đồng, N.V.T chuyển tiền mua ma túy từ tài khoản MoMo của N.V.T sang tài khoản MoMo của L số tiền 3.000.000 đồng, N.V.T gọi điện mượn tiền của H.T.T phụ xe cho nhà xe Tân Xuân đang đón khách tại bến xe B.T đến khách sạn S.A để trả cho L số tiền còn lại. H.T.T biết N.V.T mượn tiền để mua ma túy về bán nhưng H.T.T vẫn cho N.V.T mượn 3.000.000 đồng để trả cho L. N.V.T mang ma túy về nhà cùng B.T.T.H chia thành các gói nhỏ, bán kiếm lời, một phần sử dụng.

- Lần thứ hai: Ngày 06/10/2020, N.V.T gọi điện cho L mua “một hộp mười” ma túy Methamphetamine giá 6.500.000 đồng, N.V.T chuyển 3.500.000 đồng từ tài khoản MoMo của N.V.T sang tài khoản MoMo của L để trả tiền mua ma túy, N.V.T gọi điện cho H.T.T mượn 3.000.000 đồng để trả tiền mua ma túy và nhận ma túy vận chuyển về cho N.V.T. Trưa cùng ngày có người nam tên Ng đến bến xe B.T giao ma túy cho H.T.T được giấu trong vỏ hộp phát Wifi và H.T.T trả cho người này 3.000.000 đồng rồi mang ma túy về cho N.V.T. Khoảng 04 giờ ngày 07/10/2020, xe Tân Xuân về đến ngã ba đường 3/2 và đường Bắc Nam thuộc thôn 7, xã G, H.T.T giao ma túy cho N.V.T lấy 3.000.000 đồng tiền N.V.T mượn mua ma túy. Sáng ngày 07/10/2020, H.T.T đến nhà N.V.T tại thôn P, xã T, huyện A để lấy 2.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy. Sau khi nhận ma túy, N.V.T cùng B.T.T.H chia thành các gói nhỏ bán kiếm lời, phần còn lại sử dụng.

- Lần thứ ba: Ngày 16/10/2020, N.V.T gọi điện cho người tên L để mua “hai hộp mười” ma túy Methamphetamine với giá 10.000.000 đồng, N.V.T chuyển 7.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Sacombank của N.V.T sang tài khoản MoMo của L. Sau đó N.V.T gọi điện cho H.T.T mượn 3.000.000 đồng để trả tiền mua ma túy và vận chuyển về cho N.V.T. Đến trưa cùng ngày, người tên L đến bến xe B.T giao ma túy được bỏ trong bọc nilon, quần bằng băng keo màu đen cho H.T.T và H.T.T trả cho L 3.000.000 đồng. Sáng ngày 17/10/2020, khi xe Tân Xuân về đến khu vực 1, phường Đ, thị xã N, N.V.T đến nhận ma túy và trả cho H.T.T 3.000.000 đồng tiền mượn mua ma túy. N.V.T đem ma túy về chia thành các gói nhỏ bán kiếm lời và sử dụng. Đến trưa cùng ngày, H.T.T ra nhà N.V.T lấy 2.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy.

- Lần thứ tư: Ngày 20/10/2020, N.V.T điện thoại cho người tên L mua “một hộp mười” và “một hộp năm” ma túy Methamphetamine với giá 8.500.000 đồng. N.V.T chuyển trả 5.000.000 đồng từ tài khoản MoMo của N.V.T sang tài khoản MoMo của người tên L, sau đó N.V.T gọi điện cho H.T.T mượn

3.000.000 đồng trả cho L và nhận ma túy mang về cho N.V.T. Trưa cùng ngày, có người nam tên Ng mang ma túy được giấu trong hộp giấy đến bến xe B.T giao cho H.T.T nhận ma túy và H.T.T trả cho người này 3.000.000 đồng rồi mang về cho N.V.T. Đến khoảng 5 giờ sáng ngày 21/10/2020, khi xe Tân Xuân về đến đường 3/2 đoạn trước UBND xã G, H.T.T giao ma túy cho N.V.T, N.V.T trả cho H.T.T 2.000.000 đồng tiền mượn mua ma túy. Đến khoảng 9 giờ ngày 21/10/2021, H.T.T ra nhà N.V.T để nhận 2.000.000 đồng (trong đó 1.000.000 đồng tiền đã mượn và 1.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy). N.V.T cùng B.T.T.H lấy một phần chia thành các gói nhỏ đem bán, phần còn lại bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A khám xét thu giữ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã xác định được N.V.T và B.T.T.H đã bán ma túy cho những người sau:

- Đối với bị cáo N.V.T:

Trong tháng 9/2020, bán cho N.T.L ở khu X, TT. M, huyện A “một cái ba” giá 300.000 đồng tại quán cà phê H.L – TT. M, huyện A; bán cho P.T.D ở khu 2, TT. M, huyện A “một cái ba” giá 300.000 đồng tại khu vực nhà nghỉ T.T – thôn P, xã T, huyện A.

Trong tháng 9, 10/2020, bán cho Đ.X.H ở thôn 4, xã G, huyện A ba lần, mỗi lần “một cái ba” giá 300.000 đồng tại khu vực bưu điện xã G, trường mẫu giáo K.H – xã G và khu vực nhà nghỉ T.T – xã T; bán cho T.T.P ở khu 3, TT. M, huyện A hai lần, mỗi lần “một cái ba” giá 300.000 đồng tại nhà N.V.T.

Trong tháng 10/2020, bán cho T.H.D ở khu 6, TT. M, huyện A “một cái năm” giá 500.000 đồng tại nhà N.V.T; bán cho D.H.P ở khu 2, TT. M, huyện A “một cái ba” giá 300.000 đồng tại khu vực trước phế liệu C.T, xã G; bán cho N.T ở thôn 4, xã G, huyện A ba lần, mỗi lần “một cái ba” giá 300.000 đồng tại nhà N.V.T.

Ngoài ra N.V.T khai nhận đã bán ma túy cho các đối tượng khác N.V.T không xác định được người mua, khối lượng ma túy và số tiền bán ma túy.

- Đối với bị cáo B.T.T.H:

Trong tháng 9, 10/2020, bán cho T.Đ.Đ.H ở thôn 7, xã G, huyện A bốn lần, mỗi lần “một cái ba” giá 300.000 đồng tại nhà B.T.T.H và tại trường mẫu giáo K.H – xã G; bán cho Đ.X.H ở thôn 4, xã G, huyện A 04 lần, mỗi lần “một cái ba” giá 300.000 đồng.

Trong tháng 10/2020, bán cho P.T.D ở khu 2, TT. M, huyện A “một cái ba” giá 300.000 đồng tại khu vực trường mẫu giáo K.H – xã G; bán cho Trương T.T.P ở khu 3, TT. M, huyện A hai lần, mỗi lần “một cái ba” giá 300.000 đồng tại khu vực trường mẫu giáo K.H và tại nhà B.T.T.H.

Ngày 21/10/2020, bán cho D.H.P ở khu 2, TT. M, huyện A “một cái ba” giá 300.000 đồng tại nhà B.T.T.H.

Ngoài ra, B.T.T.H khai nhận đã bán cho B.T.V ở xã T (thường gọi V rựa) bốn lần, mỗi lần “một cái ba” giá 300.000 đồng, bán cho P.V.H ở xã T (thường

gọi H Dóc) một lần “một cái năm” giá 500.000 đồng. B.T.T.H không nhớ rõ thời gian, địa điểm đã bán các đối tượng không có mặt tại địa phương nên không xác định.

Vật chứng vụ án đã tạm giữ:

- 11,6416gam ma túy, loại Methamphetamine đã tạm giữ khi bắt quả tang B.T.T.H và khi khám xét nơi ở của B.T.T.H, N.V.T đã được giám định, khối lượng còn lại sau giám định 11,0217gam.

+ 01 ống hút nhựa màu trắng, dài 04cm, đường kính ống 0,6cm; 01 ống hút nhựa màu xanh dài 8,5cm, đường kính ống 0,6cm; 01 ống hút nhựa màu đỏ dài 06cm, đường kính 0,6cm; 04 ống hút nhựa màu xanh, một ống dài 8cm, ba ống dài 5cm, đường kính mỗi ống 0,6cm, các ống hút nhựa đều hàn kín một đầu, đầu còn lại cắt vát nhọn và một vật hình dạng bột lửa, màu đỏ.

+ 01 hộp giấy, kích thước 13cm x 4cm x 15cm, trên hộp có ghi dòng chữ “Gửi Pcat Cog 0935123849”.

+ 01 vật hình hộp chữ nhật, kích thước 22,5cm x 15,5cm x 3,5cm, màu trắng, trên hộp có dòng chữ FPT và Hotline 19006600.

+ 01 chai nhựa chứa chất lỏng gắn hai đoạn ống hút; 03 ống hút nhựa màu trắng, mỗi ống dài 23cm, đường kính ống 0,6cm; 02 ống thủy tinh hình dạng móc câu, kích thước 6cm x 4cm, một đầu hình cầu đường kính 1,5cm.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia gắn sim số 0935123849; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus gắn sim số 0987336878 của bị cáo N.V.T, 01 thẻ ATM mang tên N.V.T, 01 thẻ ATM mang tên B.T.T.H và 01 thẻ ATM mang tên N.D.K.

Đã xử lý 01 thẻ ATM mang tên B.T.T.H, 01 thẻ ATM mang tên N.D.K và 02 sim điện thoại đã giao lại cho N.K ở xã T (con của N.V.T).

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền 500.000 đồng đã tạm giữ của bị cáo N.V.T khi khám xét nơi ở.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7Prime gắn sim số 0342474225 và 01 xe mô tô gắn biển số 40S5-2366 đã tạm giữ của bị cáo B.T.T.H.

Đã xử lý sim điện thoại đã giao lại cho N.K (con của N.V.T) và xe mô tô đã giao ông N.H.T ở xã G là chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp để quản lý, sử dụng.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus gắn sim số 0865072758, đã tạm giữ của bị cáo H.T.T. Chiếc điện thoại này của L.Y.N ở xã G cho H.T.T mượn không sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy đã xử lý trả lại cho L.Y.N.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia đã tạm giữ của ông T.M.T ở phường 10, TX. N, tỉnh B (chủ nhà xe Tân Xuân). Đã xử lý trả lại cho ông T.M.T.

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền 5.000.000 đồng của bà N.T.Y ở TX. N (mẹ của H.T.T) đã giúp bị cáo nộp để khắc phục số tiền bị cáo H.T.T thu lợi bất chính trong quá trình vận chuyển trái phép chất ma túy cho bị cáo N.V.T.

Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền 23.500.000 đồng của N.D.K ở xã T (con của N.V.T và B.T.T.H) đã giúp bị cáo nộp để khắc phục số tiền bị cáo N.V.T và B.T.T.H thu lợi bất chính trong quá trình mua bán trái phép chất ma túy.

Số điện thoại và số tài khoản của người tên L và người đàn ông tên Ng ở TP. C qua điều tra không xác định được đối tượng cụ thể.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS, ngày 08.4.2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo N.V.T, B.T.T.H và H.T.T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo N.V.T, B.T.T.H và H.T.T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 điều 251 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 của BLHS để xử phạt bị cáo N.V.T từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù; Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo H.T.T từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù; Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo B.T.T.H từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù.

Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo N.V.T, B.T.T.H và H.T.T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ

của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận: Vào đầu năm 2020, N.V.T lái xe khách cho nhà xe K tuyến từ xã U, huyện A đi TP. C và ngược lại, nên N.V.T biết một người phụ nữ tên L và một người nam tên Ng (không xác định họ, tên nơi cư trú) có bán ma túy, N.V.T mua ma túy của hai người này đem về nhà để sử dụng và bán cho những người sử dụng ma túy trên địa bàn huyện A để kiếm lời. Đến tháng 10/2020, N.V.T nghỉ lái xe nên nói H.T.T vận chuyển ma túy về cho N.V.T. H.T.T biết N.V.T bán ma túy từ trước nhưng vẫn đồng ý vận chuyển ma túy từ TP. C về huyện A, tỉnh B giao cho N.V.T 03 lần để lấy tiền công vận chuyển. N.V.T cùng B.T.T.H chia ma túy ra thành các gói nhỏ và nhiều lần bán cho những người sử dụng.

Lúc 10 giờ 50 phút ngày 21/10/2020, phát hiện B.T.T.H đứng ở lề đường 3/2 có tầng trũ 01 gói nylon bên trong chứa các hạt tinh thể không màu có tổng khối lượng 0,2009 gam là loại: Methamphetamine, mục đích bán cho con nghiện nhưng chưa kịp giao thì bị Tổ công tác Công an huyện A kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với B.T.T.H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của B.T.T.H và N.V.T (chồng của B.T.T.H) tại thôn P, xã T, huyện A đã thu giữ 02 gói nylon bên trong chứa các hạt tinh thể không màu có tổng khối lượng 11,4407 gam là loại: Methamphetamine nằm trong danh mục chất ma túy và tiền chất có thứ tự là 151, danh mục II, Nghị định 67/2001/NĐ-CP ngày 01.10.2001 của Chính Phủ. Sau khi giám định mẫu vật hoàn lại còn 11,0217 gam Methamphetamine (nằm từ A01 đến A03) đang tạm giữ tại THADS huyện A (tang vật kèm theo hồ sơ vụ án).

Hành vi của N.V.T, B.T.T.H và H.T.T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của con người, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương do đó cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với chính các bị cáo và phòng ngừa chung cho người khác.

Trong vụ án này, tuy có nhiều người cùng tham gia nhưng chưa thể hiện là một vụ án có tổ chức chặt chẽ mà chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Trong đó, vai trò của bị cáo N.V.T là chính, đã trực tiếp nhiều lần giao dịch mua chất ma túy để sử dụng và chia ra bán cho các con nghiện khác; khi không trực tiếp đi mua chất ma túy được, bị cáo đã liên hệ qua điện thoại, giao dịch qua tài khoản mạng xã hội để mua đồng thời yêu cầu bị cáo H.T.T – là phụ xe ô tô

tuyển TP. C – tỉnh B trả tiền mang ma túy về cho N.V.T. Tuy đã biết N.V.T yêu cầu mình giúp N.V.T mua chất ma túy nhưng vì hám lợi H.T.T đã nhiều lần giúp N.V.T giao dịch và nhận chất ma túy để đem về cho N.V.T do vậy hành vi của H.T.T là đồng phạm trong vụ án với vai trò tích cực nên cũng phải xử lý nghiêm khắc.

Đối với bị cáo B.T.T.H tuy biết chồng mình là N.V.T sử dụng và buôn bán chất ma túy, ban đầu đã cố gắng ngăn cản nhưng không được, sau đó vì mối quan hệ vợ chồng và hám lợi nên đã đồng phạm giúp cho bị cáo N.V.T bán chất ma túy cho các con nghiện nhiều lần, do đó cũng cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo N.V.T, B.T.T.H và H.T.T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo N.V.T, B.T.T.H và H.T.T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính có được do mua bán ma túy mà có để khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N.V.T bị tai nạn phải phẫu thuật nhiều lần, đang bị bệnh đái tháo đường cần phải điều trị. Bị cáo B.T.T.H đã tích cực khai báo giúp các cơ quan tiến hành tố tụng mở rộng điều tra phát hiện người phạm tội sớm kết thúc vụ án là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặt khác cũng nên xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, tuy ban đầu cũng đã tích cực ngăn cản chồng là bị cáo N.V.T nhưng không có kết quả sau đó chồng bị tai nạn không lao động được nên vì điều kiện kinh tế cũng như mối quan hệ vợ chồng nên đã phạm tội; do đó áp dụng Điều 54 BLHS xét xử bị cáo B.T.T.H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt Viện kiểm sát đã truy tố cũng hợp lý và thể hiện được tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

Bị cáo H.T.T: Sau khi biết Cơ quan Công an đã phát hiện vụ việc nên đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với hai đối tượng tên L và Ng liên quan đến vụ án mà các bị cáo N.V.T và H.T.T khai đã mua và nhận ma túy của hai người này tại TP. C; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ khởi tố hai người này.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 hộp giấy; 01 vật hình hộp chữ nhật; 01 chai nhựa chứa chất lỏng gắn hai đoạn ống hút, 03 ống hút nhựa màu trắng, 02 ống thủy tinh hình dạng móc câu; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7Prime (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A, HĐXX xét thấy vật chứng này trực tiếp liên quan đến vụ án có tính chất rất nghiêm trọng; nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền khi khám xét tại nhà của N.V.T đã thu giữ là 500.000 đồng. HĐXX xét thấy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Số tiền 28.500.000 đồng Việt Nam là số tiền các bị cáo thu lợi bất chính nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015, Điều 147 của BLTTDS năm 2015 buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo N.V.T, B.T.T.H và H.T.T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2]. Áp dụng:

+ Điểm b, i Khoản 2 Điều 251, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo N.V.T **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giam 21.10.2020.

+ Điểm b, i Khoản 2 Điều 251, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo H.T.T **07 (bảy) năm** tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giam 10.11.2020.

+ Điểm b, i Khoản 2 Điều 251, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo B.T.T.H **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giam 21.10.2020.

[3]. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy; 01 vật hình hộp chữ nhật; 01 chai nhựa chứa chất lỏng gắn hai đoạn ống hút, 03 ống hút nhựa màu trắng, 02 ống thủy tinh hình dạng móc câu; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7Prime (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 29.000.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo N.V.T, B.T.T.H và H.T.T phải chịu

200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- CA huyện A (02b);
- VKSND huyện A (02b);
- Phòng hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS H.A;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

P. L. L